

GIA ĐỊNH TAM GIA

Gia Định tam gia là danh hiệu người đời tặng cho ba vị quan văn của Nguyễn Phúc Ánh là:

- Lê Quang Định
- Ngô Nhân Tịnh
- Trịnh Hoài Đức

LÊ QUANG ĐỊNH

Lê Quang Định (1759^[1] - 1813), tự: *Tri Chỉ*, hiệu: *Tấn Trai* ^[2], *Chỉ Sơn*; là văn thần đầu đời Nguyễn, là nhà thơ có tiếng trong nhóm Sơn Hội^[3] ở Gia Định và *Bình Dương thi xã*. Ông cùng Trịnh Hoài Đức (1765-1825) và Ngô Nhân Tịnh (?-1813) được người đương thời xưng tụng là *Gia Định tam gia* của đất Gia Định xưa.

Thân thế & sự nghiệp

Lê Quang Định, người làng Mậu Tài, huyện Phú Vang, phủ Thừa Thiên (nay là tỉnh Thừa Thiên - Huế). Thuở nhỏ, nhà nghèo, cha là một viên quan nhỏ mất sớm, nên ông phải theo anh vào làm ăn ở huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định. Vốn thông minh, hiếu học, Lê Quang Định được một thầy thuốc là Hoàng Đức Thành gả con gái và tận tình giúp đỡ. Ông theo học Võ Trường Toản (?-1792), kết bạn với Ngô Nhân Tịnh, Trịnh Hoài Đức, cùng nhau lập "Bình Dương thi xã".

Quan nhà Nguyễn

Năm Mậu thân (1788), khi Nguyễn Phúc Ánh (1762-1820) chiếm lại Gia Định và cho mở khoa thi, ông và Trịnh Hoài Đức trúng tuyển, được cử làm Hàn lâm viện

chế cáo, giữ việc biên soạn sổ sách, rồi lần lượt trải qua Điền tuần quan (trông coi việc khai khẩn), Đông cung thị giảng (dạy cho Nguyễn Phúc Cảnh), Hữu tham tri Bộ Hình.

Năm 1802, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi, lấy niên hiệu là Gia Long, ông được thăng Thượng thư Bộ Binh, làm chánh sứ cùng với Lê Chính Lộ, Nguyễn Gia Cát sang nhà Thanh (Trung Quốc), cầu phong cho nhà vua.

Năm 1806, ông được cử biên soạn *Hoàng Việt nhất thống địa dư chí* gồm 10 quyển, là bộ địa chí đầu tiên của nhà Nguyễn.

Năm 1810, giữ chức Thượng thư Bộ Hộ kiêm coi Khâm Thiên Giám (tức đài quan sát thiên văn). sau đó ông còn đảm nhận việc kiểm tra dân số, lập sổ dinh điền và chia hạng ruộng đất.

Năm Gia Long thứ 12 (1813), Lê Quang Định mất, hưởng dương 53 tuổi. ^[4]. Về sau, ông được vua Tự Đức (1829-1833) đưa vào thờ ở miếu Trung hưng công thần.

Nhà thơ

Lê Quang Định là nhà thơ có tiếng trong nhóm Bình Dương thi xã và nhóm Sơn Hội ở Gia Định.

Sáng tác của ông gồm:

- **Hoa nguyên thi thảo**: bằng chữ Hán, 1 quyển, gồm 74 bài, hầu hết là thơ đề vịnh, cảm hoài và thù tạc. Trong đó có một số bài sáng tác ở Việt Nam, còn phần lớn được viết lúc đi sứ sang Trung quốc bằng đường thủy.

- **Hoàng Việt nhất thống địa dư chí:** gồm 10 quyển, chép đủ đường sá, sông núi, thổ sản, phong tục từ Lạng sơn đến Hà Tiên...Bộ sách được triều Nguyễn đánh giá rất cao, đồng thời trở thành công cụ tra cứu chủ yếu cho các công trình địa chí tiếp theo...^[5].
- **Gia Định tam gia thi:** gồm một số bài thơ, in chung với thơ của Trịnh Hoài Đức và Ngô Nhân Tịnh.

Nhận xét

Lê Quang Định là người thông minh, cẩn thận, kín đáo, giản dị, nổi tiếng thơ văn, viết chữ đẹp và có tài về hội họa.

Sách *Hỏi đáp lịch sử Việt Nam* tập 3 viết:

Tài thơ của ông từng được các văn nhân mặc khách Việt Nam, Trung Quốc, Triều Tiên tán thưởng. Tài hội họa cùng nghệ thuật văn chương được thấy rõ qua thi phẩm Hoa nguyên thi thảo...

Toàn tập chỉ có 9 bài tuyệt cú, còn bao nhiêu là thơ ngũ ngôn và thất ngôn luật (sở trường của ông). Tứ thơ trong thi tập hào sảng, phóng khoáng, bút pháp hồn hậu, giản phác, không dụng công để trau chuốt ngôn từ, nhưng thành tựu nghệ thuật rất trong sáng.

Sở trường hội họa đã tạo thơ ông mang tính “thi trung hữu họa”.

Tập thơ này đã được Lê Lương Thuận, Hàn lâm viện chế cáo đề tựa năm 1807 và phần lớn đều có lời bình của Ngô Thị Vị^[6] và Nguyễn Du...^[7]

Trích thơ

Đề mỹ nhân dao lỗ đồ

*Thiên nhiên tú mị dĩ kham xan
 Dao lỗ giai nhân cánh khả quan.
 Dương liễu phong khinh yếu đới trụ,
 Phù dung sương đậm kiếm chi hàn.
 Vi hàm xuân muộn kiều vô lực,
 Bán lộ thu tình ảnh dục lan.
 Khước hận đan thanh thiên trước bút,*

Bất tương hoàn bội họa hồng nhan.

Dịch nghĩa:

Đề bức tranh mỹ nhân bơi chèo

*Vẻ tốt đẹp thiên nhiên đã làm cho người
 ta thèm thuồng, có thể ăn được.*

*Người đẹp bơi chèo lại càng thêm ưa
 mắt.*

*Giải lửng thướt tha như làn gió nhẹ lướt
 nhanh dương liễu,*

*Phấn mặt mát lạnh như màu sương nhạt
 điểm hoa phù dung.*

Nét xuân sắc hơi buồn, dáng rất ẻo lả

Làn thu ba nửa lộ, bóng như lò mờ.

*Chỉ giận người thợ vẽ hạ bút còn thiên
 lệch,*

*Không đem ngọc hoàn, ngọc bội mà vẽ
 cho người hồng nhan.^[8]*

Chú thích

1. Ghi theo các sách: *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm* tập 1, *Hỏi đáp Sài Gòn - TP. HCM* tập 3, *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, *Từ điển văn học Việt nam (bộ mới)*. Thành ngữ điển tích danh nhân từ điển tập I của G.S Trịnh Văn Thanh ghi 1760 (tác giả tự xuất bản, Sài Gòn, 1966, tr. 666)
2. *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, *Từ điển văn học Việt nam (bộ mới)* đều ghi *Cẩn Trai*. *Gia Định xưa* ghi *Trần Trai*.
3. Gọi là nhóm *Sơn Hội*, vì tên các hội viên đều có chữ *Sơn*, như *Chỉ Sơn* Trịnh Hoài Đức, *Nhữ Sơn* Ngô Nhân Tịnh, *Kỳ Sơn* Diệp Minh Phụng, *Bác Sơn* Hoàng Ngọc Uẩn v.v...Để hoạt động tích cực hơn nữa về mặt văn hóa, các hội viên trong nhóm *Sơn Hội* mở thêm thi xã *Bình Dương* (ghi theo Huỳnh Minh, *Gia Định xưa*, Nxb VH TT, 2006, tr. 312. *Địa chí văn hóa TP. HCM* phần *Lịch sử*, Nxb TP. HCM, 1987, tr. 193 thì cho biết thi xã *Bình Dương* và *Sơn Hội* chỉ là một). Việc xuất hiện của *Sơn hội* và *Bình Dương* thi xã, cho thấy đầu những

năm 80 của thế kỷ 18, lực lượng tri thức ở Gia Định bắt đầu có những sinh hoạt văn hóa - xã hội độc lập. Văn học Hán Nôm ở Gia Định chính thức ra đời từ đó.

4. Theo Huỳnh Minh: Năm 1813, ông cáo bệnh về quê và mất sau đó ít lâu. (*Gia Định xưa*, tr. 115-117)
5. Ở Thư viện Viện Sử học (Hà Nội)



còn lưu giữ bản chép tay, mỗi quyển chép làm 1 tập. Ký hiệu: HV.528. Năm 2005, Nxb Thuận Hóa và Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây đã xuất bản. Sách do Phan Đăng dịch, giới thiệu & chú giải, dày 1.850 trang, khổ 19cm x 27cm.

6. Ngô Thì Vị, còn được gọi là Ngô Thì Hương (1774-1821), là nhà thơ và là con út của Ngô Thì Sĩ.
7. Theo *Hỏi đáp lịch sử Việt Nam* tập 3, Trần Nam Tiến chủ biên, Nxb Trẻ, 2007, tr. 303.
8. Chép theo *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập 3, Huỳnh Lý chủ biên, Nxb Văn học, 1978, tr.581

Tài liệu tham khảo

- Trần Văn Giáp, *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm tập I*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1984, tr.355.
- *Hỏi đáp về Sài Gòn-TP.HCM* tập 3, TS. Quách Thu Nguyệt chủ biên, Nxb Trẻ, 2006, tr. 26-27.
- *Thành ngữ điển tích từ điển của Diên Hương*, Nxb Đồng Tháp, 1992, tr. 186.

- *Từ điển văn học (bộ mới)*, Nxb Thế giới, 2004, tr. 829-830.
- *Hỏi đáp lịch sử Việt Nam* tập 3, Trần Nam Tiến chủ biên, Nxb Trẻ, 2007, tr. 303.
- *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Nguyễn Q. Thắng & Nguyễn Bá Thế, Nxb KHXH, tr. 369.
- *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập 3, Huỳnh Lý chủ biên, Nxb Văn học, 1978, tr.581.
- Huỳnh Minh, *Gia Định xưa*, Nxb VHNT, 2006, tr. 115.
- *Từ điển bách khoa toàn thư Việt Nam* [1]

NGÔ NHÂN TỊNH

Ngô Nhân Tịnh (? - 1813^[1]), còn được gọi là **Ngô Nhơn Tịnh** hay **Ngô Nhân Tĩnh**, tự *Nhữ Sơn*, hiệu *Thập Anh*; là quan nhà Nguyễn và là nhà thơ có tiếng trong nhóm *Bình Dương thi xã*.

Ông cùng Trịnh Hoài Đức (1765-1825) và Lê Quang Định (1759-1813) được người đương thời xưng tụng là *Gia Định tam gia* của đất Gia Định xưa.

Thân thế & sự nghiệp

Ảnh Đình Minh Hương Gia Thạnh, nơi Bình Dương thi xã xướng họa.

Ngô Nhân Tịnh vốn là người Minh Hương, quê gốc ở Quảng Đông (Trung Quốc). Khi nhà Thanh vào Trung Quốc, tiên tổ ông sang Gia Định lập nghiệp. Ông sinh tại Gia Định và là học trò giỏi của Võ Trường Toản (?-1792).

Đốc sức vì nhà Nguyễn

Không rõ năm Ngô Nhân Tịnh ra giúp Nguyễn Phúc Ánh (1762-1820), chỉ biết ở trong khoảng những năm đầu dựng nghiệp và ông được lãnh chức Thị độc Viện hàn lâm.

Năm 1789, ông làm Hữu tham tri Bộ Binh, được cử đi sứ sang nhà Thanh (Trung Quốc) để dò xét tình thế và truy tìm tin tức của vua Lê Chiêu Thống (1766-1793).

Năm 1802, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi, lấy niên hiệu là Gia Long, ông làm Giáp phó sứ theo Trịnh Hoài Đức và Hoàng Ngọc Uẩn sang Trung Quốc lần hai, để trình quốc thư và nộp trả ấn sách mà nhà Thanh đã phong cho nhà Tây Sơn.

Năm 1807, ông sung Chánh sứ cùng với Phó sứ Trần Công Đản sang Chân Lạp (Campuchia), đem sắc ấn đến thành La Bích phong Nặc Ông Chân làm vua ở nước này.

Năm 1811, ông ra làm Hiệp trấn Nghệ An. Năm sau, thăng Thượng thư Bộ Công kiêm Hiệp tổng trấn Gia Định, phụ tá cho Tả quân Lê Văn Duyệt (1764-1832).

Năm 1813, ông cùng Lê Văn Duyệt đem binh đưa Nặc Ông Chân về nước Chân Lạp. Cùng năm này, sau khi đi hội đàm cùng Xiêm La (Thái Lan) bàn việc Chân Lạp, ông bị người cùng triều vu tội tham ô, ăn của đút lót của Chân Lạp và Xiêm La, nên không còn được vua Gia Long tin tưởng như trước. Không thể giải bày, dần dà nổi uất ức khiến ông phát sinh bệnh nặng rồi mất cùng năm này, an táng tại xã Chí Hòa, Gia Định (nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh).

Theo *Hồi đáp lịch sử Việt Nam tập 3 và Thành ngữ điển tích danh nhân từ điển* thì sau khi mất ông được phong Kim Tử vinh lộc đại phu, Thượng Khanh, tước Tịnh Viễn Hầu, thụy là Trác Gian^[2]

Riêng *Từ điển văn học (bộ mới)* cho biết sau khi ông mất, Trịnh Hoài Đức có tâu xin được truy tặng nhưng vua Gia Long không cho. Năm Minh Mạng thứ nhất (1820), chỉ được cấp phu coi mộ. Đến năm Tự Đức thứ năm (1852) mới được phụ thờ vào miếu Trung hưng công thần.

Năm 1936, vì nhà cầm quyền cần nơi xây cất nhà ga, nên đã ra lệnh lấy hài cốt của ông, cải táng ở một chỗ khác.^[3]

Cống hiến cho văn học

Ngô Nhân Tịnh là người học rộng, giỏi văn chương, thích ngâm vịnh. Ông cùng với hai người bạn thân thiết là Lê Quang Định và Trịnh Hoài Đức, sáng lập “Bình Dương thi xã” nổi danh một thời.

Tác phẩm của ông hiện còn:

- Thập Anh đường văn tập: gồm 187 bài kinh nghĩa, lấy đề tài từ Kinh thi và Kinh thư, dùng làm mẫu cho những người đi thi tham khảo.
- Thập Anh đường thi tập: gồm 81 bài thơ chữ Hán làm trong thời gian đi sứ, lúc làm quan và khi xướng họa với bạn bè.
- Nhất thống dư địa chí: do Lê Quang Định soạn, Ngô Nhân Tịnh nhuận chính.
- Gia Định tam gia thi tập: gồm một số bài thơ, in chung với thơ của Trịnh Hoài Đức và Lê quang Định.

Sách *Hồi đáp lịch sử Việt Nam tập 3* còn cho biết: Ông là đồng tác giả *Hoan Châu phong thổ ký*. Đây là sáng kiến của Ngô Nhân Tịnh khi ông làm Hiệp trấn Nghệ An. Sách do ông viết lời bạt và tựa vào năm 1811. Nội dung sách viết về danh thắng, núi sông, cổ tích, phong tục, nhân vật... của trấn Nghệ An. Đây được xem là một trong các tác phẩm về địa phương chí sớm nhất của đất Hoan Châu xưa (tức Nghệ An ngày nay).

Nhận xét

Từ điển văn học (bộ mới) viết:

Ngô Nhân Tịnh làm quan thanh liêm, giản dị, nghiêm khắc đuổi kẻ sâu mọt, từng dâng sớ tâu bày những nỗi thống khổ của người dân và xin hoãn thuế, được vua chuẩn y.

Tính ông khảng khái, quang minh, rộng rãi, không xu nịnh, vì thế hay bị dèm pha...

Về thơ, thì:

Thơ đi sứ của Ngô Nhân Tịnh đau đáu nỗi niềm thương nhớ nước Việt Nam (*Họa Trịnh Cán Trai thứ lập Ông tam thập vận, kỳ tam, Khách trung dạ vũ, Khách trung thất tịch, Khách trung ngẫu thành...*). Nhưng khi về nước, ông ngỡ ngàng nhận ra mình cũng chỉ là một vị “khách” xa lạ trên chính nơi “chôn nhau cắt rún” của mình. Nhất là ở giai đoạn cuối đời, ông phải sống trong sự nghi ngờ của vua và của một số người (*Tiên thành lữ thứ*).

Là một vị công thần bị bỏ rơi như Ngô Nhân Tịnh, ông chỉ còn biết ẩn mình gửi gắm nỗi niềm vào rượu và Ly tao (*Thuyết tình ái*). Mang nặng nỗi niềm tâm sự của một vị trượng phu “muốn đền nợ nước” nhưng “tám lòng chưa thấu đến cửa vua”, nên ông luôn tự ví mình như Khuất Nguyên, Hàn Tín (*Lưu biệt Tiên thành chư hữu; Đồng Trần Tuấn, Hà Bình Xích hạ chu trung tạp vịnh*).

Thơ ông xót xa, u uẩn nhưng không chất chứa oán hờn, khinh bạc. Với lời lẽ trung hậu, thấy trải lẽ xuất xử của kẻ sĩ ở đời. Những vần thơ nhiều trăn trở ấy đã tạo nên sức rung động rất lớn. Ông thật xứng với lời khen của Nguyễn Du (1766-1820):

*Văn chương ông hay như tám nhà cổ
văn lớn làm tăng vẻ đẹp hai nước
Mưa móc theo sau xe ông thấm nhuận
cả châu Hoan.*

(*Tổng Ngô Nhữ Sơn công xuất trấn Nghệ An*)^[4].

Trích thơ

Đồng Trần Tuấn, Hà Bình Xích hạ chu trung tạp vịnh.

*Phiêu bồng, đoạn ngạnh cộng du du,
Không đời nam quan vạn lý sầu.
Tráng sĩ tự năng thù quốc trái,*

*Trượng phu thùy khảng vị thân mưu.
Phiến tâm vị đạt môn trùng toàn,
Nhất sự vô thành lệ ám lưu.
Cục tích tiền đồ thiên địa trách,
Đế hôn đồ vọng bão kỳ du.*

Dịch nghĩa:

Cùng hai bạn Trần Tuấn, Hà Bình chơi thuyền trên sông Xích hạ, có bài tạp vịnh.

*Gió thổi cỏ bồng, nước trôi cành gãy,
man mác thay cái cảnh phiêu lưu,
Trùm đầu (bằng) cái mũ phượng nam,
mà vẫn đeo sầu ở nơi quan san muôn dặm.*

Tráng sĩ bền gan cần phải đền bồi nợ nước,

Trượng phu lập chí nào nghĩ đến việc riêng mình.

*Cửa vua mấy lần khóa thâm nghiêm,
tám lòng thành chưa thấu tới*

Nước mắt biết bao phen sùi sụt, một việc gì cũng chẳng làm xong.

Cúi mình chùn bước trên đường đi, trời đất sao mà chật hẹp,

Đầy dạ biết bao mưu kế, nhưng chỉ biết để mắt trông về nơi để khuyết, xiết nỗi mong chờ.^[5]

Chú thích

1. Ghi theo *Từ điển văn học bộ mới, Thành ngữ điển tích từ điển, Hỏi đáp về Sài Gòn-TP. HCM tập 3. Riêng sách Hỏi đáp lịch sử Việt Nam tập 3, Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam* và web *Từ điển bách khoa toàn thư Việt Nam* đều ghi Ngô Nhân Tịnh mất năm 1816 (các nguồn dùng để tra cứu đều ghi ở mục tài liệu).
2. *Hỏi đáp về Sài Gòn-TP. HCM* tập 3 ghi Trác Giang. Trịnh Vân Thanh (sách nêu ở mục tài liệu) ghi Túc Gian.
3. Trịnh Vân Thanh không cho biết nơi chôn cất mới.
4. *Từ điển văn học bộ mới* (Nxb Thế giới, 2004, tr 1072)
5. Chép theo *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập 3, Huỳnh Lý chủ biên, Nxb Văn học, 1978, tr.591

Tài liệu (Dùng để tham khảo & đối chiếu)

- Hồi đáp lịch sử Việt Nam, tập 3, Trần Nam Tiến chủ biên, Nxb Trẻ, 2007, tr. 306.
- Từ điển văn học bộ mới (Nxb Thế giới, 2004, tr 1072)
- Thành ngữ điển tích từ điển của Diên Hương (Nxb Đồng Tháp, 1992, tr. 232)
- Hồi đáp Sài Gòn- TP. HCM, tập 3, TS. Quách Thu Nguyệt chủ biên, Nxb Trẻ, 2006, tr, 26-27.
- Thành ngữ điển tích danh nhân từ điển, tập 2, GS Trịnh Vân Thanh biên soạn, Nxb Hồn thiêng, Sài Gòn, 1966, tr. 789.
- Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, Nguyễn Quang Thắng và Nguyễn Bá Thế, Nxb KHXH, 1992, tr.460.
- Hợp tuyển thơ văn Việt Nam, tập 3, Huỳnh Lý chủ biên, Nxb Văn học, 1978, tr.593-591.
- Từ điển bách khoa toàn thư Việt Nam [1].

TRỊNH HOÀI ĐỨC

Trịnh Hoài Đức (1765-1825), tự Chỉ Sơn, hiệu Cán Trai, là một nhà thơ, nhà văn và là một sử gia nổi tiếng của Việt Nam trong thế kỷ 18. Quyển *Gia Định thành thông chí* của ông cho đến nay vẫn được xem là một trong những sử liệu quan trọng nhất cho các nhà nghiên cứu sử học và địa lý của miền Nam Việt Nam. Ông cũng là một công thần của triều Nguyễn, đã giúp cho vua Gia Long rất nhiều về các phương diện ngoại giao, chính trị và kinh tế.

Cuộc đời

Ông nội của Trịnh Hoài Đức làm quan dưới triều Minh. Sau khi triều Minh sụp đổ ông đưa cả gia đình sang Việt Nam cư ngụ tại dinh Trấn Biên (nay là Biên

Hòa). Thân sinh ông là Trịnh Khánh là người học rộng tài cao. Ông mất lúc Trịnh Hoài Đức mới 10 tuổi, sau đó mẹ ông dời nhà về dinh Phiên Trấn (Gia Định) cho ông theo học cụ Võ Trường Toản. Cũng tại đây ông kết bạn với Lê Quang Định và Ngô Nhơn Tịnh để sau này thành lập "Bình Dương thi xã", và ba ông sau này được mệnh danh là "Gia Định tam gia".

Năm 1788 khi chúa Nguyễn Phúc Ánh mở kỳ thi tại Gia Định, ba ông ra ứng thi và đều đỗ đạt. Trịnh Hoài Đức được bổ làm Hàn Lâm Viện Chế Cáo, rồi được sung chức Điền Tuấn Quang, trông coi việc khai khẩn đất ở Gia Định.

Năm 1793 ông được lãnh chức Đông Cung Thị Giảng, rồi phò Đông Cung Cảnh ra giữ thành Diên Khánh. Năm sau ông được thăng làm ký lục dinh Trấn Ninh, đến năm 1801 thăng Tham tri bộ Hộ. Ngay năm sau đó, 1802, ông được thăng chức Thượng thư bộ Hộ rồi sung làm Chánh sứ cùng với Binh bộ Tham tri Ngô Nhân Tịnh và Hình bộ Tham tri Hoàng Ngọc Uẩn sang sứ Trung Quốc.

Năm 1808 ông được bổ làm Hiệp trấn Gia Định thành, phụ tá cho Nguyễn Văn Nhân lúc đấy là Tổng trấn Gia Định thành. Năm 1812 ông được bổ nhiệm làm Lễ bộ Thượng thư, kiêm quản Khâm thiên giám, năm 1813 lại đổi làm Lại bộ Thượng thư. Năm 1816 ông lại được bổ nhiệm làm Hiệp Tổng trấn Gia Định thành lần thứ hai.

Mùa hè năm 1820 vua Minh Mạng triệu ông về kinh làm Lại bộ thượng thư kiêm Binh bộ Thượng thư, sung chức Phó Tổng tài Quốc sử giám, thăng Hiệp biện Học sĩ. Ông đã từ chối ba lượt nhưng vua Minh Mạng vẫn tỏ lòng ưu ái nên sau đó ông phải vâng mạng.

Năm 1825, mùa đông, ông mất, thọ 61 tuổi. Vua bãi triều 3 ngày, truy tặng Thiệu bảo Cần chánh điện Đại học sĩ, phái hoàng tử Miên Hoàng đưa về an táng tại dinh Trấn Biên thể theo nguyện

vọng của ông trước khi mất. Khi linh cữu về tới Gia Định, Tổng trấn Lê Văn Duyệt đã đích thân tới phúng điếu và đưa tới huyệt tại dinh Trấn Biên tức tỉnh Biên Hòa ngày nay.

Đến đời vua Tự Đức, nhà vua truyền liệt thờ ông trong miếu Trung Hưng Công Thần và đền Hiền Lương.

Ngôi mộ của Trịnh Hoài Đức và phu nhân được xếp vào di tích di tích Văn hóa - lịch sử quốc gia nằm trong khu mộ của nhà họ Trịnh. Ngoài phần mộ của ông và phu nhân, còn lại là phần mộ của con cháu, cận thần, mộ ngựa, mộ yểm... Các bia đá được dựng quay về hướng Tây-Nam, trên có khắc chữ Hán. Các ngôi mộ được xây theo kiểu kiến trúc giống hình voi phục, mặt bằng là một khối hình chữ nhật.

Tác phẩm

Văn thơ của ông và Lê Quang Định, Ngô Nhân Tĩnh in chung trong một bộ *Gia Định tam gia thi tập*. Ngoài ra ông để lại các bộ sách *Lịch đại kỷ nguyên*, *Khang Tế Lục*, *Cần trai thi tập*, *Bắc sử thi tập*, *Minh bột di hoán văn thảo* và *Gia Định thành thông chí*.

Bộ *Gia Định thành thông chí* là một công trình có giá trị cao về lịch sử, địa lý và văn hóa của miền Nam bộ. Nội dung tập sách ghi chép đầy đủ và tỉ mỉ về núi sông, khí hậu, việc thành lập các trấn, thành trì, cũng như về phong tục tập quán, tính cách và sinh hoạt của người dân Nam bộ.

Tham khảo

- Gia Định xưa, Huỳnh Minh, 1967, NXB Thanh Niên in lại năm 2001
- Việt Nam sử lược, Trần Trọng Kim, NXB Văn hóa Thông tin in lại năm 2002

Liên kết ngoài

- Trịnh Hoài Đức - Danh nhân làm rạng danh xứ Đồng Nai
- Trịnh Hoài Đức - Nhà biên khảo hàng đầu về vùng đất Nam bộ

Nguồn: <http://vi.wikipedia.org>
